

Thứ 6: **KIÊN ĐỘ KHẾ KINH** (Phần đầu)

Lại, Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo bậc nhất trong đệ-tử của ta, cư ngụ trên đỉnh núi cao, đi dạo, đứng ở trên núi, chăm, tên là Bà-na-già bà-tha cư ngụ trên sườn núi cao.

Nghĩa ấy thế nào?

Hoặc có thuyết nói: Tam-muội được tự tại. Xả Tam-muội này, lại nhập Tam-muội khác. Lại xả Tam-muội này, lại hành trì Tam-muội khác. Như thế, cư trú trên núi cao.

Hoặc có thuyết nói: Nhập Tam-muội nghịch, thuận. Như thế cư trú trên núi cao.

Hoặc có thuyết nói: Nhập cõi trần, vượt qua Tam-muội, cho nên cư trú ở núi cao. Lại nữa, các chỗ ở ẩn trên ngọn núi cao, giải thoát ở trong vô số, cho nên ở non cao.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có bốn hạng: Hoặc có người lợi mình, không làm ích lợi cho người kia. Hoặc có người làm lợi cho người kia, không làm lợi cho mình. Hoặc có người làm lợi mình, cũng làm lợi cho người, hoặc có người cũng không lợi mình, cũng không làm lợi cho người.

Hỏi: Những người này có gì khác nhau?

Đáp: Lợi mình, không lợi người kia: Tự ở bình đẳng, muốn cho người kia không bình đẳng, dù dựa vào người kia có ở bình đẳng, nhưng người kia không ở trong đó được ý bình đẳng.

Làm lợi cho người kia, không làm lợi cho mình: Muốn cho người kia phát ý bình đẳng, như tự mình không ở bình đẳng, mặc dù nói pháp cho người kia có tướng pháp, nhưng chính mình ít có bình đẳng, không tương ứng với lý thuyết kia.

Lợi mình, làm lợi cho người kia: Tự ở trong bình đẳng, cũng dạy người khiến ở trong bình đẳng. Mặc dù người kia không được giáo hóa, nhưng với hai nhân duyên kia nói được bình đẳng.

Không lợi mình cũng không lợi người: Tự mình không ở trong bình đẳng, cũng không bảo người kia ở trong bình đẳng.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có bốn hạng: Hoặc có người đã dứt hết kiết đã sinh, không còn thọ kiết khác, hoặc có người không thọ nhận kiết khác, hết không còn kiết đã sinh, hoặc có người đã dứt hết kiết đã sinh, hoàn toàn không thọ nhận kiết khác, hoặc có người cũng không dứt hết kiết đã sinh, không thọ nhận kiết khác, cũng không dứt hết kiết.

Hỏi: Nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Đáp rằng: Người thọ thân thọ, không thọ mạng thọ, chết ở cõi Dục, cõi Sắc là bậc A-na-hàm cõi Vô Sắc. Ngoài thọ mạng thọ, không thọ thân thọ, chết ở cõi Vô Sắc liễu nhập Niết-bàn. Người thân thọ cũng thọ mạng thọ, qua đời ở cõi Dục, cõi Sắc như bậc A-la-hán. Người vừa không thọ thân thọ vừa không thọ mạng thọ, trừ những việc đã nói trên chính là nghĩa ấy.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Đối với Tỳ-kheo có bốn hạng: Hoặc có người đối với hiện pháp thực hành nhập Niết-bàn và thân hoại, chẳng phải không nhập Niết-bàn. Hoặc có người không thực hành nhập Niết-bàn chẳng phải thực hành nhập Niết-bàn. Hoặc có người thực hành nhập Niết-bàn không thực hành nhập Niết-bàn. Hoặc có người không thực hành nhập Niết-bàn cũng không thực hành nhập Niết-bàn. Nói lời ấy có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Kiết sinh đã hết, không thọ kiết khác: Trung bát Niết-bàn không thọ nhận kiết khác, không phải kiết đã sinh, sinh cõi Vô Sắc, A-na-hàm đã dứt hết kiết đã sinh, không thọ nhận kiết khác, A-la-hán, cũng không thọ nhận kiết đã sinh hết, cũng không thọ nhận kiết khác hết: Người kia là người học khác, cũng là người phạm tục.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có bốn hạng: Hoặc có người thọ thân thọ, không thọ mạng thọ. Hoặc có người thọ nhận mạng thọ, không thọ nhận thân thọ. Hoặc có người vừa thọ nhận thân thọ, vừa thọ nhận mạng thọ. Hoặc có người vừa không thọ nhận thân thọ, vừa không thọ nhận mạng thọ.

Nói lời này với nghĩa thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng như có một người dùng rất nhiều hạnh, dùng phương tiện lớn, dùng sự ân cần lớn lao, nhằm diệt năm hạ phần kiết sử. Ở trong đây qua đời, sinh trong cõi Sắc, vận dụng một vài phương tiện, một ít sự ân cần, để diệt năm thượng phần kiết sử, nói là người này đã thực hành nhập Niết-bàn ở trong pháp và thân hoại không có thực hành nhập Niết-bàn.

Người thứ hai, ít ở trong đây, ở nhiều nơi kia: Người thứ ba, cả hai đều không lớn.

Người thứ tư, hoặc có thuyết nói: Cũng như người này duyên hành tựa vào Tam-muội, diệt năm kiết phần dưới, ở trong đây qua đời sinh lên cõi Sắc, Vô Sắc, dựa vào Tam-muội mà nhập Niết-bàn. Dứt năm kiết phần trên, đó gọi là người này thực hành nhập Niết-bàn, và thân hoại, không thực hành nhập Niết-bàn.

Người thứ hai, ở trong hiện pháp, duyên nhập Niết-bàn, thân hoại duyên hành.

Người thứ ba, thứ hai, chung duyên hành.

Người thứ tư, cả hai đều duyên Niết-bàn.

Hoặc có thuyết nói: Cũng như người ở trong đây vì khổ, nên diệt năm kiết phần dưới, sinh trong cõi Sắc, Vô Sắc, thọ nhận niềm vui, diệt năm kiết phần trên, nói là người này thực hành nhập Niết-bàn, không có thực hành bát Niết-bàn: Nếu người ở trong đây thọ nhận niềm vui, diệt năm kiết phần dưới, sinh cõi kia, chịu khổ, diệt năm kiết phần trên, nói là người này không thực hành nhập Niết-bàn.

Thế nào là người này ở trong hiện pháp, thực hành nhập Niết-bàn và thân hoại, không thực hành nhập Niết-bàn? Người thứ ba, cả hai đều có khổ? Người thứ tư, cả hai đều có niềm vui? Lại nữa, người này ngu, người phàm phu diệt kiết phần dưới, sinh cõi kia, được trí nhanh chóng, diệt kiết phần trên, nói là người này thực hành nhập Niết-bàn ở trong hiện pháp? Người thứ hai ở trong đây, được trí nhanh chóng, ở trong kia lại ngu, chậm lụt? Người thứ ba cả hai đều ngu? Người thứ tư, cả hai đều nhanh nhẹn.

Vì sao A-la-hán thành tựu pháp đệ nhất của thế gian nhưng không phải khổ pháp nhãn?

Hoặc có thuyết nói: Không xả khổ pháp nhãn lúc được quả Tu-đà-hoàn, nhưng không diệt pháp đệ nhất thế gian.

Hỏi: Đây cũng là nỗi hoài nghi của tôi: Vì sao xả khổ pháp nhãn, nhưng không phải pháp bậc nhất thế gian?

Đáp: Do xứ sở của cái chết, mỗi quả của pháp bậc nhất thế gian, đạo chơi, diệt khổ pháp nhãn, mỗi quả của A-la-hán du hóa. Thế nên, pháp bậc nhất thế gian là bất diệt.

Hoặc có thuyết nói: Thiên gồm nhiếp pháp đệ nhất thế gian, bậc hữu học, gồm nhiếp khổ pháp nhãn. Thiên A-la-hán đã thành tựu, nhưng là không phải pháp học, thế nên pháp đệ nhất thế gian thành tựu A-la-hán, không phải khổ pháp nhãn.

Hỏi: Nếu dựa vào thiên, đồng vượt trình tự thủ chứng, thì thiên của A-la-hán kia sẽ gồm nhiếp khổ pháp nhãn, phải chăng muốn cho thiên thành tựu khổ pháp nhãn chăng?

Đáp: Bậc hữu học gồm thấu khổ pháp nhãn thiên, bậc Vô học, cũng chẳng phải không học, thiên gồm nhiếp pháp đệ nhất thế gian. Do xả hữu học này, chẳng phải học, cũng chẳng phải không học.

Hỏi: Như đã nói: Nếu vì thiên gồm nhiếp pháp bậc nhất thế gian,

thế nên thiên thành tựu pháp bậc nhất thế gian, thì việc này không đúng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Được pháp vô lậu vi diệu, hoặc có không thành tựu, không phải pháp bậc nhất thế gian. Thế nên không thành tựu khổ pháp nhãn.

Hỏi: Được pháp đệ nhất thế gian tăng thượng, vi không thành tựu?

Lại nữa, tạo ra tướng yên lặng. Lại nữa, các căn thiện, duyên pháp trung hạ tăng thượng, nên nói thành tựu. Nếu năm kiết phần dưới của người phạm phu đã hết, thì người kia nên nói là nhất xứ A-na-hàm chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không được nói lời này: Như tất cả kiết sử của A-la-hán đã hết, A-na-hàm không phải một xứ đã hết chăng? Lại nữa, một xứ của đạo Hiền Thánh kia, năm kiết phần dưới hết là Tư-đà-hàm, cũng nên lại nói một xứ A-na-hàm, huống chi là người phạm phu, nếu kiết sử của cõi Dục ít ở trung gian, thì sẽ không dứt hết.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Con người có năm hạng giận dữ, chê bai các Hiền: miệng thốt ra lời nói ác, giận dữ, phần nộ không có chừng đo, làm nhiều chuyện không đẹp, nên bị người tội oán ghét.

Hỏi: Nói lời này có ý nghĩa thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu người tác ý không quán hạnh với việc không tương đắc, ôm lòng do dự, chê bai các Hiền, nói là người này chê bai, gây buồn sầu cho người kia, ôm giữ ý điên đảo, xấu ác, ưa tranh cãi, trừ bốn đối tượng vi phạm. Các thân nghiệp phạm tội, ôm ấp, do dự, ở trong đó, lại còn phạm việc khác, nói là bị người oán ghét.

Hoặc có thuyết nói: Sự dâm dục nghiêng nặng về, giận dữ không chừng đo, không tránh cao, thấp, bị người ganh ghét. Hơn nữa trước đó đã từng lừa dối, huyễn hoặc mọi người, gièm pha không có thật, thường xuyên huân tập phi pháp. Lại nữa, người kia do ý tinh tiến, trừ khử, đập tắt dục, chỉ muốn thực hành hạnh đầu-đà, oai nghi, lễ tiết, thường không có lúc nào phạm lỗi, được mọi người tin, ưa, khen ngợi và không xa lánh. Nếu người nói lời phạm pháp, không thuận với giới luật, ý thường gần gũi dục, ở trung gian kia mà cầu mong được lợi dưỡng nhưng lại cũng khen ngợi nói là thường biểu hiện oai nghi, lễ tiết, không vui mừng, cũng không tu hành, không biết ơn nuôi nấng, thì có thể nói lời người này không tồn tại. Nếu có người giữ giới tăng thượng, không thành tựu giới, ưa ganh đua, tranh tụng, chê bai các bậc hiền, nói là người này ưa phần nộ không có chừng đo.

Nếu người có hạnh vi diệu, trong hạnh phân biệt giới luật, đọc tụng giới cấm, mọi việc đều học biết, người không có giới, không có trí tuệ, đây là nói người này thường ôm lòng do dự. Lại nữa, có người trong hạnh vi diệu, phân biệt giới, luật, đọc tụng giới cấm, nói là người này bị mọi người ganh ghét, như thuyết của Ưu-đà-na, da-bà-tha-la-da nói: Thế nào, Tôn giả Bà-la-đọa-xà, do nhân duyên gì, các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, xuất gia chưa bao lâu, mà tu công đức thiện, ở trong pháp thâm diệu vui vẻ thuận giáo, các căn nhu hòa, sắc diện sáng rỡ, thân thể, da dẻ mịn màng, mềm mại, ưa thích vắng lặng, tri túc, như voi, nai hoang dã, suốt đời thanh tịnh tu phạm hạnh tri túc.

Hỏi: Như voi, nai hoang dã, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Ngồi thiền, tụng kinh mà không thuận theo, không đấm các việc, nói là tri túc. Theo pháp cầu xin, cũng không đấm nhiễm, nói là như voi, nai hoang dã.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Ta thấy Điều-đạt không có một mảy may việc thiện, ta không thọ ký, Điều-đạt vào địa ngục lại trải qua nhiều kiếp không thể cứu chữa. Vì sao? Vì như Điều-đạt đã nhập xương, thấu tủy ba quy mạng Phật!

Hỏi: Nên nói Điều-đạt kia, đây không phải là pháp thiện chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây không phải pháp thiện, đây cũng không phải quy mạng Tam bảo. Vì quá giận dữ, nên nói lời này. Nếu người sẽ đọa địa ngục, như đã nói: Nếu người quy mạng Phật, thì người ấy sẽ không đọa vào đường ác. Nếu nên thật, hoặc không hưởng đến ba đường ác, như đã nói: Điều-đạt địa ngục, trải qua một kiếp, thế nên Điều-đạt kia không có pháp thiện.

Hoặc có thuyết nói: Điều-đạt cũng có pháp thiện, nhưng vẫn không thể cứu vớt tội lỗi của Điều-đạt. Thế nên Điều-đạt kia không thể cứu chữa, do Điều-đạt có ba tội không thay thế được. Lại nữa, Điều-đạt của pháp Hữu đảnh kia, vì phương tiện này, nên nói có pháp thiện.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo đệ nhất trong các đệ tử của ta đạo bốn định không, tên là Bạt-đà-bà-lê. Người đã thành tựu bốn năng lực, tên là Tăng-ca-ma-tự. Hai người này có gì khác nhau?

Hoặc có thuyết nói: Tôn giả Bạt-đà-bà-lê được thân xả mềm mại, do thường vui vẻ. Do sự vui vẻ này, nên trước đây Tôn giả đã được hộ đường. Tôn giả Tăng-ca-ma-tự được xả tăngthượng, nhưng tập điều hòa không nhiều, ở trong đó, trước thấy thành tựu lực xả. Lại nữa, Tôn giả Bạt-đà-bà-lê được bốn thiền, bốn đẳng tâm, thường phúng kinh tụng tập, trng đó được tự tại, trước kia đã thấy hộ đường. Tôn giả Tăng-ca-

ma-tự đi dạo ở Lục Thiện tai đường, nói là trước kia đã phát ý được lực xả thành tựu.

Hỏi: Làm sao biết A-la-hán không còn sinh lại nữa?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do xả các kiết sử. Vì có các kiết sử, ấy là sinh, A-la-hán không có các kiết sử, ấy là không sinh, cũng chưa từng thấy không có kiết sử mà có sinh, ở trong đó, biết A-la-hán không còn sinh lại nữa. Lại nữa, vì các vết cấu uế của thân ái đã dứt hẳn, nên nói là A-la-hán. Không ở trung gian vô mình ái hữu, lại đắm nhiễm thân. Vì lẽ đó, nên A-la-hán không còn sinh trong trung ấm.

Hỏi: Nên nói như đối tượng hưởng tới, hay nên nói đi qua, không như đối tượng hưởng tới?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói đi qua, như đã đi đến trung ấm, là chỗ thần núi. Như Đức Thế Tôn nói: Thần núi kia có mạn như thế. Ví như lông dê rất đen, cũng như trong ngôi nhà tối tăm, không có ánh sáng. Hơn nữa, giống với Trung ấm này.

Lại nữa, nên nói đi qua, như đã nói hưởng tới, như khi sắp chết, thiện, ác đều đến, Trung ấm. Cũng như thế, từng hành vi thiện, ác, đều nhắm đến chỗ Trung ấm.

Hỏi: Nên nói trụ qua bảy ngày, hay nên nói trụ không quá bảy ngày?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói trụ qua bảy ngày. Vì sao? Vì tùy theo hành vi thiện, ác, cũng không có phương tiện có quá bảy ngày.

Hỏi: Như trong khoảng bảy ngày, chưa được ở thai, thân Trung ấm có dứt mất chăng?

Đáp: Không dứt mất nên vượt qua thân Trung ấm. Lại nữa, cho đến khi nhân duyên nhóm họp đều cùng trụ, không dứt. Nếu không được nhân duyên sinh, thì thân Trung ấm sẽ lâu.

Bước đi trong bốn câu

Người phạm phu thế tục

Phút chốc Vương-bà-lợi

Xả ấm A-la-hán.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Ở đây Tỳ-kheo, có bốn hạng: Người trí tuệ nhớ dai, trí tuệ giảng nói pháp khắp nơi, thuận theo một câu mà kẻ ngu đã nghe một cách cầu thả.

Hỏi: Lúc Phật nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người trí tuệ, nhớ dai, phát lời nói, ấy là biết nghĩa, như người biến hóa. Nếu Tỳ-kheo như pháp kia, ấy là diệt. Đức Thế Tôn cũng biết, trí tuệ giảng nói khắp, nói liền hiểu. Như

đã nói: Tỳ-kheo chẳng phải ông, sắc chẳng phải ông, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải ông. Đức Thế Tôn cũng nói: Thuận theo người ngu, cầu thả, khinh suất. Dùng ngôn ấy hạnh nhằm khuyến dụ tinh tiến thuận theo.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo vì sắc?

Đáp: Tất cả các sắc, sắc ấy đều là bốn đại, bốn đại tạo là nói rộng.

Hỏi: Người ngu, cầu thả nghe một câu, cũng không hiểu nghĩa là sao?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Người trí tuệ nhớ dai là lợi căn người tâm tâm biết nhau, người phân biệt trí tuệ là trung căn, người thuận theo là nhuyến căn. Người ngu, cầu thả, đều nghe một câu là người không có căn.

Hoặc có thuyết nói: Người trí tuệ nhớ dai, nghĩa là đời trước mong cầu năng lực giải thoát. Người trí tuệ tuyên nói khắp, nghĩa là đời trước, cầu giải thoát mềm mỏng. Người ngu, cầu thả, nghe một câu, là kẻ ở đời trước không cầu giải thoát.

Lại nữa, người trí tuệ nhớ dai nương theo ví dụ là biết ngay. Như Tôn giả Xá-lợi-phất chất vấn, bèn im lặng. Người trí tuệ phân bố, nghĩa là phân biệt, hiểu rõ, sau đó có thể biết. Như Tôn giả Phất-ca-la-bà-lê xem xét sáng suốt về nghĩa lý.

Thuận theo người, nghĩa là tùy thời gian, học giới luật tăng thượng. Đây là nghĩa tùy theo thời mà hàng phục tâm ý, tùy thời mà học trí tuệ tăng thượng, chính là nghĩa này. Bốn tánh đã tập, học dần giới luật, thọ nhận dần sự dạy bảo, nhận lãnh, vâng làm. Như Tôn giả La-vân dần dần tiến đến đạo.

Người ngu, cầu thả nghe một câu: thọ nhận nghĩa câu, cũng không hiểu nghĩa lý, cũng không hiểu pháp sâu mầu.

Hỏi: Vì sao vào thời kỳ đời trước của Bồ-tát không đồng vượt trình tự thủ chứng chẳng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì các Bồ-tát đồng thệ nguyện, do lời thệ nguyện này: Sẽ xuất hiện thế gian thành Phật, chúng sanh nào chưa được độ, sẽ độ, chưa giải thoát, sẽ khiến cho giải thoát.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát suy nghĩ, quán sát. Bồ-tát kia dùng trí tuệ, ý thường phát nguyện: Độ các chúng sanh.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát theo kịp đấng Nhất thiết trí do tự đầy đủ, vì chúng sanh, nên không đồng vượt trình tự thủ chứng.

Hỏi: Vì sao Trưởng giả A-na-bân-đề cúng dường bốn Đức Như lai,

mà không ở chỗ Phật kia xuất gia học đạo?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là nhân duyên của lời thề nguyện. Do thề nguyện, nên phải cúng dường Như lai khác.

Hoặc có thuyết nói: Do uy lực của thân tộc, nên không thể bỏ ý niệm ân ái.

Hoặc có thuyết nói: Ý Trưởng giả kia thường ưa vắng lặng, ưa bố thí cho nên cần chậm lụt. Do ưa vắng lặng, nên công đức không hưởng đến đường ác, mỗi chỗ đều được quả báo lớn, là người cần cơ chậm lụt, không nhận thấy tai hại của tại gia. Vì lẽ đó, nên không xuất gia làm Sa-môn. Lại nữa, Trưởng giả kia, nghiênng nhiều về ý dâm, thường ưa làm phương tiện trong thể nữ.

Như việc mà tất cả Chư Phật đã tạo ra, đều được đạo Hiền Thánh.

Hỏi: Vì sao không thành nam thì không thích ứng với nghĩa pháp?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì các tình thiếu ít, cho nên không thích ứng với nghĩa pháp.

Hoặc có thuyết nói: Tâm rong ruổi vạn mối, không được Tam-muội, thế nên không thích ứng với nghĩa pháp.

Hoặc có thuyết nói: Các báo rõ rệt, thật do đời trước làm duyên được thọ thân này, không nương vào trí tuệ. Lại nữa, bị kiết sử chướng ngại, người kia bị kiết che lấp, không được ngồi nghỉ, tâm không biết hổ thẹn.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Xây tháp có ba việc: Đa-tát-a-kiệt, vô thượng trí. Tỳ-kheo lậu tận, nghĩa là Chuyển luân Thánh vương.

Hỏi: Vì sao học Bích-chi-Phật không nhập ba việc này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì là lời khuyên bảo của Như lai, nói Phật, tức là nói Bích-chi Phật. Nói Tỳ-kheo lậu tận, chính là nói bậc hữu học. Tỳ-kheo kia hoặc có người dứt hết lậu. Lại nữa, Tỳ-kheo kia cũng thuộc về số. Do chúng sanh này, nên thể hiện nghĩa sâu mầu của Phật kia, lời khuyên bảo này của Phật đã nói như trên.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Ở đây Tỳ-kheo, có sáu loại A-la-hán: A-la-hán của Thối lui pháp, Pháp niệm, Pháp hộ, Pháp trụ, Pháp phân-biệt, Pháp không có nghi.

Hỏi: Sáu loại A-la-hán này có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các thứ căn vô học: Thượng, thượng trung, thượng hạ, trung trung thượng, trung trung hạ, hạ thượng, hạ trung. Hạ hạ, ở hạ hạ trong kia thành tựu, nghĩa A-la-hán của pháp thối

lui.

Hạ thượng thành tựu: A-la-hán pháp niệm, thành tựu trung hạ: A-la-hán của pháp hộ, thành tựu trung trung: A-la-hán của kiếp trụ. Thành tựu trung thượng: A-la-hán của pháp phân biệt pháp. Thành tựu ba thượng: A-la-hán không có nghi. Thanh văn tăng kia là thành tựu thượng hạ, Bích-chi-Phật, thành tựu thượng trung, Đa-tát-A-kiệt, thành tựu thượng thượng.

Hoặc có thuyết nói: Cũng như một người phương tiện tạo nghiệp, có người không ân cần, cũng có căn cơ chậm lụt. Người kia dùng nghiệp phương tiện, không ân cần, căn cơ chậm lụt, cầu đẳng tâm, giải thoát, thọ chứng. Người kia lại dùng phương tiện không ân cần, người căn cơ chậm lụt bền lui sụt đối với đẳng tâm, giải thoát, gọi là A-la-hán của lui sụt pháp.

Cũng như một người thường phương tiện mong cầu rất ân cần, căn cơ chậm lụt nên họ dùng phương tiện rất ân cần, căn cơ chậm lụt được đẳng tâm, giải thoát, thọ chứng. Người kia dùng phương tiện ân cần, căn cơ chậm lụt thủ hộ đẳng tâm, giải thoát, gọi là A-la-hán hộ pháp.

Cũng như một người thường phương tiện mong cầu rất ân cần, nhưng người căn cơ chậm lụt, dùng phương tiện, thường cầu rất ân cần, nhưng căn cơ chậm lụt được đẳng tâm, giải thoát chứng, họ dùng phương tiện thường để mong cầu rất ân cần, nhưng người căn cơ chậm lụt được đẳng tâm giải thoát, cũng không tăng, cũng không giảm, gọi là A-la-hán trụ kiếp.

Cũng như một người thường phương tiện mong cầu rất ân cần, nhưng căn cơ nhạy bén. Họ dùng phương tiện thường để mong cầu rất ân cần, căn cơ nhạy bén được đẳng tâm, giải thoát, chứng đắc. Người kia dùng phương tiện thường, mong cầu rất ân cần, nhưng căn cơ nhạy bén dùng phương tiện được không có nghi, gọi là A-la-hán Phân biệt pháp. Giống như có người dùng phương tiện thường để mong cầu rất ân cần, nhưng người căn cơ nhạy bén kia dùng phương tiện thường để mong cầu rất ân cần, người căn cơ bén nhạy được vô nghi đẳng tâm, giải thoát chứng đắc, đó gọi là A-la-hán Vô Nghi pháp.

Lại nữa, nếu người trông cậy vào sức người khác, tìm sự sinh được đẳng tâm, giải thoát, chứng đắc, thế nên được đẳng tâm, giải thoát.

Cũng như một người bệnh ốm gầy, tìm cách đứng dậy, nhưng không có người nâng đỡ, bèn nằm lại trên giường, gọi là A-la-hán của thối lui pháp. Nếu lại có người với đẳng tâm, giải thoát không bền chắc, chỉ sợ thất ý, muốn tìm đến cái chết bằng cách dùng dao tự đâm, gọi là

A-la-hán của niệm pháp. Nếu lại có người với đấng tâm, giải thoát, giữ gìn đấng tâm, giải thoát, ta có thể bảo vệ tâm này, suốt đời gìn giữ, tùy thời tiết dưỡng dục, gọi là A-la-hán Hộ pháp.

Nếu lại có người với đấng tâm, giải thoát, vượt qua căn cơ chàm lụt, dừng lại ở căn cơ bậc trung. Thế nên, đấng tâm, giải thoát, không lui sụt, cũng không tăng, không chết, gọi là A-la-hán trụ kiếp.

Nếu lại có người với tâm bình đấng, giải thoát, đầu tiên mới có ích được các căn, người kia trông cậy ở sức mạnh bên ngoài, được không có ngờ vực, gọi là A-la-hán Phân biệt pháp.

Nếu lại có người tự dùng sức mình, đầu tiên được căn cơ tăng thượng, trụ đấng tâm, giải thoát, tự biết thời tiết, gọi là A-la-hán không nghi pháp.

Đức Thế Tôn nói: A-la-tỳ-xá-ly rất vui vô cùng. Bạt-xà-phục-di cũng rất vui sướng, Chùa Giá-ba-la cũng rất an vui, Cù-đàm-di-na-câu-lư cũng rất an vui, Diêm-phù-lợi có ngân ấy thứ an vui, không có tử sự so do về tính bền vững, tốt đẹp.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn tạo ra thuyết này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đức Phật đang ngồi nhập định, khiến cho các Tỳ-kheo đều sinh niềm vui hy vọng.

Hoặc có thuyết nói: Thành Tỳ-xá-ly rất vui vô cùng, lúa, thức ăn dồi dào, người nghèo cầu xin dễ được. Bạt-xà-phục-di rất vui vô cùng, dân chúng hòa thuận, không gặp khổ ách. Chùa Giá-ba-la (nơi chuyển pháp luân), Cù-đàm-di-na-câu-đà, các thứ tọa cụ, ít sự vắng lặng, đất Diêm-phù-lợi có ngân ấy thứ vườn cây ăn quả, các giống dân đều bền vững tốt tươi, nghiệp trí tuệ sáng suốt.

Lại nữa, Đức Thế Tôn cũng lại hiện bỏ các thứ ràng buộc chấp mắc, diệt ngân ấy sự không có dục dứt hẳn.

Bồ-tát mới phát tâm

Xuất gia, không thành nam

Ba tháp, sáu La-hán

Tỳ-xá-ly ở sau.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Du hành ở thành Tỳ-xá-ly, từ nay về sau sẽ không còn nhìn thấy ở Tỳ-xá-ly nữa! Lại sẽ không có ba vị Phật đến Tỳ-xá-ly.

Vì sao Đức Thế Tôn nói lời này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không còn thọ thai nữa, lại nữa, đấng trí đã trừ diệt dấu vết sinh tử kia, muốn cho báo của chúng sanh là pháp lạc của thành Tỳ-xá-ly, các hồ nghi, đó gọi là thời ấy.

Vì sao Đức Thế Tôn mời Ma-ha Ca-diếp lên ngồi nửa tòa với mình?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo tỏ ra khinh dể Ca-diếp khởi tâm nhiễm ô, mà không biết Bồ-tát Ca-diếp đã nhập pháp yếu vĩ đại. Chính vì lẽ đó, nên Đức Thế Tôn mời ngồi nửa tòa với Ngài, vì muốn cho các Tỳ-kheo được tâm mở ý hiểu, biết sợ mắc phải báo bất thiện!

Hoặc có thuyết nói: Tôn giả Ca-diếp kia đã có các thứ công đức. Đức Thế Tôn đã hóa độ trước đây, e các Tỳ-kheo sẽ có tội trái phạm giới cấm.

Hoặc có thuyết nói: Tôn giả A-na-luật được tôn trọng bậc nhất, Đức Thế Tôn đến nhìn xem dựa vào áo, bèn mời Ma-ha Ca-diếp ngồi một nửa tòa với Ngài.

Hoặc có thuyết nói: Đức Thế Tôn muốn phó thác, truyền trao giới luật cho Tôn giả Ca-diếp để cho chúng sanh sau này sẽ tin, nhận lời nói của Ngài. Lại nữa, chưa từng có việc Đức Thế Tôn chia nửa tòa cho đệ tử. Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn thể hiện khắp công đức lớn. Lại, Đức Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn ban ngày có tưởng ban đêm, đêm có tưởng ngày, là tâm ý họ điên đảo! Các Tỳ-kheo! Như ta, ban ngày có tưởng ban ngày, đêm có tưởng ban đêm, vì ở tâm ta không có điên đảo!

Hỏi: Khi Thế Tôn nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đức Thế Tôn khởi thiên nhãn dứt trừ tưởng bên ngoài, tu hướng về tưởng sáng suốt, quán ban ngày như quán ban đêm không khác. Họ đôi khi có khác ban ngày có tưởng đêm, đêm có tưởng ngày, nhưng Đức Thế Tôn thì không như vậy.

Hoặc có thuyết nói: Sa-môn, Bà-la-môn kia, ở trong giấc ngủ say, đêm có tưởng ngày, ngày có tưởng đêm, là họ điên đảo. Lại nữa, ở chốn nhàn nhã, nằm nghiêng hông bên phải, quán sắc như thế, nhập trong thiền, nhưng Đức Thế Tôn hoặc đi, hoặc ngồi, đều thường như nhất định.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Ở đây, Tỳ-kheo có ba Như lai. Ở đây, Tỳ-kheo ở trong hiện pháp, thật không có nghi ngờ, tự được trí tuệ, đồng thời cũng bảo người khác nhập trí tuệ!

Thế nào là tự được trí tuệ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Việc ấy không thể được, giả dối, không có thật, hướng chi sẽ được thật. Lại nữa, đây là lời khuyên bảo của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn kia nói lời này: Ta đã giác ngộ việc này.

Hoặc có thuyết nói: Nếu Tỳ-kheo kia đắm sắc, pháp mà tâm nhớ nghĩ, tự khen giới trộm, tự nương tựa vào sự ngưỡng mộ mà làm, lấy thật làm giả, Đức Thế Tôn xem họ là trộm kiến. Lại nữa, là tà kiến kia, là ngã sở thật trụ trong năm ấm. Lời Phật đã nói cũng như thế, không có ấm khác, nói có ngã. Vì sao? Vì ngoại đạo đều muốn ái v.v... vượt trình tự, thủ chứng. Tương ứng với pháp không thoái chuyển, là nghĩa ở đây.

Hoặc có thuyết nói: Ngoại đạo kia đã dùng hai đạo để diệt các kiết sử, hoặc dùng đạo thế tục, hoặc dùng đạo vô lậu nhằm dứt trừ các kiết sử.

Hoặc có thuyết nói: Nếu dựa vào thiên v.v... đồng vượt trình tự thủ chứng thì sự quán thiên kia của họ, bèn có đạo sinh, họ không kiến đế mà đoạn, thế nên không thoái chuyển. Lại nữa, khi họ đồng vượt trình tự, thủ chứng, tu hành nhẫn trí, được uy lực đẳng phương tiện, tức được lợi ích. Nếu uy lực không có ích, thì sẽ không thoái chuyển ở trong uy lực, cho nên không thoái chuyển.

Hỏi: Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Bốn cặp, bốn bối, có bao nhiêu quả chứng đắc, người thứ hai hoặc quả thành tựu, hoặc quả không thành tựu, bao nhiêu không có quả thành tựu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Năm quả thành tựu: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, hương A-la-hán và A-la-hán. Một người không phải quả thành tựu là hương quả Tu-đà-hoàn thành tựu: hương quả Tư-đà-hàm, chứng hương quả A-na-hàm chứng.

Người hương quả Tư-đà-hàm kia, do phương tiện ái dục chưa dứt hết, đồng vượt trình-tự nhận lấy chứng, nên nói không phải quả thành tựu, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, cầu thú hương quả Tư-đà-hàm chứng, nên nói quả kia thành tựu. Do quả Tư-đà-hoàn vô-vi hương quả A-na-hàm chứng ái dục kia hết, đẳng vượt thứ lớp thủ chứng, nên nói chẳng phải quả thành tựu, kia lại được quả Tư-đà-hàm, cầu hương quả A-na-hàm, nên nói quả Tư-đà-hàm kia thành tựu. Quả Tư-đà-hàm vô vi, quả kia hữu vi, nên nói các căn hư hoại, nói là biết có tám người.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: Bốn hạng Sa-môn không có năm hạng.

Khi Đức Thế Tôn nói lời này, nghĩa là thế nào?

Đáp: Trí đạo là trí mà Đức Như lai tự chứng được quả. Đấng Vô-Trước nói đạo thanh tịnh, nói pháp mà chuyển pháp-luân. Đức Thế Tôn cố giảng rộng về mạng đạo vì bậc hữu học, học các trí tuệ, cắt đứt các lưới nghi, kẻ chê bai đạo, không có hạnh tốt ráo, không có giới luật, oai nghi, trái phạm các giới. Vì mặc pháp phục của Sa-môn, đều biết rõ.

Sa-môn thứ hai kia, nên nói gồm nhiếp Bích-chi-Phật, Sa-môn thứ ba, nên nói gồm thân người phàm phu, Sa-môn thứ tư, nên nói gồm nhiếp ngoại đạo. Khác với tất cả Sa-môn giả mặc y phục, chấp ngã, vướng mắc mạng, chấp chúng sanh, tất cả người đó đều thối chuyển đối với đạo.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Không có đắm nhiễm, gọi là giới:

*Ca-sa không đắm nhiễm
Bắt đầu mặc ca-sa
Ý được điều mong muốn
Ca-sa đâu không vướng.*

Đức Phật nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Có ba thứ vẫn đục: Thân, miệng, ý cấu uest, vẫn đục. Tỳ-kheo kia nếu tư duy, so tính, nói là không có cấu uest. Mặc Ca-sa, xưng hô giả dối, buông lung, là không phải sở học của thần tiên, họ không phải là cơ nghi của ca-sa kia, đây gọi là nhẫn, cũng không phải đời động. Như thật đối chứng, ý thường xét kỹ, chắc chắn. Nếu Tỳ-kheo kia không được nhẫn, hễ bị mắng, thì mắng trả lại, bị đánh, thì đánh trả, hành vi này không phải là pháp Sa-môn, hướng chi là biểu lộ hành động như thế, cho nên không thích ứng với ca-sa, và cho nên ca-sa kia không có vướng mắc.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Nếu đã sinh ý cắt hết cỏ thì không còn loài nào mọc lên được. Khi Thế Tôn nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Thức đối với sinh thọ, chỗ chỉ ở Tứ thiền là nhân duyên sinh hạnh cấu uest. Nghĩa đã tạo ra, có sự đoạn tuyệt, đến không có đối tượng, cũng không thọ sinh. Nơi cư trú của Tứ thiền cũng không còn sinh. Chọn lấy chỗ quan trọng, nếu nhân duyên hạnh gốc với xứ chỉ của Tứ thiền, người kia cũng không thọ nhận. Đã trừ bỏ ái đã hết, thọ nhận sự rong ruổi của người thứ hai, nên nói Vô học này cũng không có oai nghi, cũng không quán Niết-bàn diệt tận ở trí tuệ vô thượng, được pháp của người tiên, nói là người Đại tiên.

*Lúc đầu Ca-diếp ngủ.
Hơn hết không có dục
Đã nói bốn cà-sa
Đoạn diệt không còn sinh.*

Lại, Đức Thế Tôn nói:

*Trí tập đến vô trí
Hàng phục, tạo bền chắc
Hữu lậu đều không sót,*

Đây gọi là Phạm chí.

Nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Là thuyết Khế kinh của Tôn giả Đại Ca-diếp, là Tỳ-kheo tự giữ gìn pháp, là trí giả của trí tập. Bậc hữu học là các người phạm hạnh, người trụ nghiệp kia được đầy đủ pháp dưỡng sinh, nhưng Tôn giả kia cũng tiêu biểu cho pháp giới luật, nên nói là trí giả biết không trụ ở trung gian, đã tu hành, tâm được giác quán chiếu, trụ hai giải thoát. Tôn giả kia đã tư duy vô minh ái hết, vì muốn nói nhấn căn, pháp của Sa-môn này, nên nói là hữu lậu tận, không có dục, nên nói là Phạm chí. Đức Thế Tôn tức là Đại Phạm chí, tâm cấu uế đã dứt sạch.

Lại, Đức Thế Tôn nói:

Tỳ-kheo không có dục

Có dục, thấy rất sợ

Không lui sụt đối dục

Đây gọi là Niết-bàn.

Nói lời này, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Trí tuệ tương ứng với sự vắng lặng. Do tự vui vẻ không có lo buồn, nói là Tỳ-kheo không có dục, vô sự, thanh tịnh, vắng lặng, bị khổ não có dục. Người thấy pháp kia, mới có thể nhận biết, nói là có dục. Thấy rất sợ đối với dục, không lui sụt. Dứt bỏ các cấu uế, dần dần tốt đẹp, tương ứng với ích lợi, v.v... nói là Tam-muội. Tất cả kiết sử đều dứt hết, giác biết đạo Hiền Thánh, gọi là Niết-bàn.

Vì sao nhập Tam-muội từ, không thể làm tổn hại?

Có thuyết nói: Chư thiên bảo-vệ, hầu hạ, nhằm che chở thân người nhập Tam-muội Từ kia.

Hoặc có thuyết nói: Người nhập Tam-muội Từ, ở chốn nhàn tĩnh, vô sự. Hoa hại không gia vào thân, thân không có sự hủy hoại. Lại nữa, thọ thân bốn đại cõi Sắc.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói:

Hươu nai về đồng

Chim về hư không

Pháp về phân biệt

La-hán quy diệt.

Phân biệt con người, nghĩa là sao?

Đáp: Bậc hữu học nói là phân biệt, có thể phân-biệt đạo của Thánh Hiền là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thấy đều phân biệt.

Lại, Đức Thế Tôn nói:

Vô tưởng, có tư tưởng

*Tư tưởng, không có tưởng
Như thế, sắc biến đổi
Duyên tưởng có số lượng.*

Biến đổi sắc là sao?

Hoặc có thuyết nói: A-na-hàm sinh cõi Vô Sắc, nên nói biến đổi tưởng sắc. A-na-hàm kia thì tưởng sắc biến đổi. Lại nữa, A-na-hán, ở giữa cũng là tưởng biến đổi. A-la-hán không bị năm ấm làm biến đổi, mà tu hành rốt ráo.

Vì sao Đức Thế-Tôn nói Điều-đạt là kẻ ăn đàm dãi?

Hoặc có thuyết nói: Bấy giờ, dùng phương tiện muốn phá hoại chúng tăng. Vì lý do đó, nên Đức Thế Tôn quở ông ta, vì sợ ý các Tỳ-kheo bị dao động.

Hoặc có thuyết nói: Đối với người thuần ác, dùng lời nhu hòa để dạy bảo, thường đến tìm cách muốn hủy hoại thân Thánh Hiền. Lúc ấy, Đức Thế Tôn sau khi làm trái ý ông ta, rồi dùng lời mềm mỏng kềm để dạy bảo.

Hoặc có thuyết nói: Nếu thấy Phật, được vật cúng-dường thì Điều-đạt muốn xoay về cho mình, nên nói là kẻ ăn đàm dãi. Lại nữa, Điều-đạt vốn có thần túc lớn, hóa thành đứa trẻ, lưng đeo sợi tơ lụa vàng, đứng cho thái-tử A-xà-thế ôm vào lòng, rồi uốn éo, nói thỏ-thẻ đùa giỡn. Lúc đó, thái-tử A-xà-thế bỡn cợt, nhổ đàm dãi. Thái-tử cũng lại biết đứa bé này là Điều-đạt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng pháp dứt tâm, ý của Sa-môn mà quở là kẻ ăn đàm dãi.

Vì sao, Điều-đạt trước đã dứt căn thiện rồi phá hoại chúng tăng, hay là sau khi phá hoại chúng tăng rồi mới đoạn căn thiện?

Hoặc có thuyết nói: Điều-đạt vốn đã đoạn căn thiện, về sau mới phá hoại chúng tăng, cũng nói với dân chúng biết, việc thiện, ác không có quả báo. Do mắc lời thề này, nên ông ta phát ý phá hoại chúng tăng.

Hỏi: Không phải do hiện nay phá hoại chúng tăng mới có tướng phi pháp chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Điều-đạt trước đó đã phá hoại chúng tăng, về sau mới đoạn căn thiện, chứ không phải do đoạn căn thiện rồi mới phá hoại chúng tăng, nên có sự đền tội trong nhiều kiếp. Nếu phải như lời cáo buộc của ông ta, thì việc thiện, ác sẽ không có quả báo, không do sự phá hoại mà có tướng phi pháp.

Hỏi: Nếu phá hoại chúng tăng không phải do căn thiện của mình, có phải muốn hưởng đến đường ác chăng?

Đáp: Đức Thế Tôn cũng nói: Ta không thấy Điều-đạt có mảy may việc thiện nào. (câu trong Khế kinh nói rộng). Hơn nữa, Điều-đạt kể từ khi phá hoại tăng đến nay, đều là do căn thiện sau này vốn đã đoạn, như ông ta nói: Ta phá hoại Sa-môn Cù-đàm, chúng tăng, ngừng Chuyển pháp luân, ấy là vui mừng hơn hở. Điều-đạt kia, nên nói là căn thiện vốn đã đoạn, từ đây về sau làm các việc ác, không có tâm thay đổi, ăn năn. Cho nên, phá hoại chúng tăng, căn thiện vốn đoạn theo.

Thế nào là căn thiện vốn đoạn, được gốc căn thiện?

Hoặc có thuyết nói: Nếu người đọa trong địa ngục, biết mình đang chịu khổ địa ngục: Ta đã gây ra tội này, nay, phải chịu báo này. Trong trường hợp này, nên nói được gốc của căn thiện.

Hoặc có thuyết nói: Như ở đây, tiếp nhận trung ấm của địa ngục, ấy là có tâm quán, có quả này thật, nên nói được gốc căn thiện. Lại nữa, ở trong hiện pháp, hoặc có người được ở chỗ kia, có bậc thiện tri thức, bền khởi tâm ăn năn, dần dần sẽ được giáo hóa đến với đạo.

Ruột, bắp đùi nai, nghĩa ấy ra sao?

Vì dần dần, nên nói là ruột, bắp đùi nai.

Bảy hợp bằng đây, nghĩa ấy thế nào?

Mạch nội lại bằng, ngay, móc sắt vòng xích xương, bảy chỗ đầy đủ, bằng phẳng, sắc không dời đổi, nói là bảy hợp bằng đây.

Ngực sư tử, nghĩa ấy thế nào?

Thân không có cao, thấp, không nghiêng về trước, nói là ngực sư tử.

Vị, vị biết, nghĩa ấy thế nào?

Nhẹ nhàng, mềm mại, nhiệm mầu, thấy đều có thể biết, nói là vị, vị hiểu rõ.

Không nuôi hiền, sợ hãi

Từ và chỗ hướng về,

Vô tướng, hữu tướng hiện

Kiếp xưa, tướng thế nào?

Vì sao các loài chim, súc sinh, ngày xưa đều biết nói, ngày nay không biết nói?

Hoặc có thuyết nói: Bảy giờ, từ trong loài người, rồi cuộc đọa vào súc-sinh, do trước kia đã tập, nên nói được tiếng người.

Hỏi: Như hiện nay, chết ở cõi người, đọa vào súc sinh, thì cũng biết nói chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cái có thể ăn nuốt, thì không khác con người, như hiện nay không có thức ăn này, bốn đại đối khác, vì lẽ đó,

nên chúng không nói được.

Hỏi: Như hiện nay, với thức ăn vi diệu, khi chúng ăn, thì có thể nói được không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Con người thời xưa, không có chiến đấu, tranh tụng, không có tâm sát hại. Bấy giờ, súc sinh thấy con người, cũng không sợ hãi, cùng chung đi, đứng, nghe tiếng nói của con người, nên chúng có thể nói được.

Hỏi: Như đời nay, đọa làm súc sinh, con người không có sợ thì có thể nói được chăng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nay, cũng có thể nói, nhưng không thể hiểu. Nếu được âm thanh biện tài, thì chúng có thể hiểu lời nói. Như lời nói của bọn man di mọi rợ nói, ta không thể hiểu. Nếu đều hiểu cả hai ngữ, thì chúng có thể hiểu.

Hỏi: Người thời xưa được âm thanh biện tài, thì có thể biết chăng? Lại nữa, không thấy súc sinh, biết văn tự, hoặc nghe âm thanh dục như anh vũ, oan ương, điều này có thể hiểu. Nhưng thí dụ của Đức Thế Tôn không có sai trái. Người trí đã nói: Muốn cho người hiểu, việc này không đúng: Vì người tinh tiến làm sao tự biết mình không đọa đường ác?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Biết mà không hiểu thì không đọa vào đường ác. Ta không có ý phạm giới này, cho nên sẽ không đọa đường ác

Hoặc có thuyết nói: Được sức công đức, như ý thiện trong lúc, ngủ không thay đổi, người kia bèn nghĩ rằng: Khi qua đời ta có báo bất thiện không đọa vào đường ác

Hoặc có thuyết nói: Sự tư duy không thành thực, sẽ đọa vào đường ác, cũng không sinh niệm ác. Cõi kia có chúng sanh lấy lừa, ta không đọa đường ác.

Hoặc có thuyết nói: Người kia không có phương tiện này, có thể tự biết rõ. Đức Thế Tôn cũng nói: Đúng thế, người tinh tiến tỉnh biết, cũng tự biết chỗ hưởng tới, ta sẽ sinh cõi đó, nghe như giới, cũng biết tinh tiến để hưởng đến, dùng dao tự hại, hoặc uống thuốc độc.

Hỏi: Tinh tiến dư biết cố nhiên không như Phật rất ráo. Lại nữa, nếu người có dạy răn, thì không trông cậy vào sự răn dạy: Ta không đọa đường ác, cũng không được đệ Tứ thiền, tâm phát tướng Niết-bàn, có hưởng về ba đường ác, xa lìa bảy chỗ. Cũng tạo ra thuyết này: Đại hạnh phân biệt Khế kinh nói: Do tâm cấu uế, vẫn đục, nên chúng sanh hưởng đến đường ác. Đức Thế Tôn cũng nói: Như sống lâu một trăm tuổi, vâng

giữ giới cụ túc. Nhưng giới suy yếu không xả, có thể cứu vớt đường ác chẳng? Muốn cho sáu Sư ép ngặt chúng, dẫn dắt người Câu-lợi vào đường ác, đây gọi là ác. Người kia được tinh tiến bậc nhất. Người kia cũng là người tin ưa Thế Tôn, có pháp của cõi ác, trí tuệ tự tại.

Các tà định, tất cả các tà định đó có thành tựu tà kiến chẳng?

Nếu hoàn thành tà kiến thì tất cả kia có thành tựu tà định tà kiến chẳng?

Hoặc có thuyết nói: Các định tà kiến, kia tất cả thành tựu tà kiến, nếu thành tựu tà kiến thì tất cả kia thành tựu là định.

Năm nghịch là tà kiến, thành tựu tà định. Hoặc có thuyết nói: Các thành tựu tà kiến, tất cả kia thành tựu tà định, vả lại thành tựu tà định chẳng phải thành tựu tà kiến, đoạn gốc thiện căn không thành tựu năm tội nghịch. Lại nữa, Các định tà kiến, tất cả định ấy thành tựu tà kiến.

Vả lại, thành tựu tà kiến, tà kiến đó không phải tà định chẳng? Tâm tưởng thành tựu tà kiến, các định đẳng kiến: Tất cả kia thành tựu đẳng kiến chẳng? Nếu thành tựu đẳng kiến thì tất cả định kia là đẳng kiến chẳng?

Hoặc có thuyết nói: Các định, đẳng kiến, tất cả định kiến ấy thành tựu đẳng kiến, nếu thành tựu đẳng kiến thì tất cả định kia là đẳng kiến, đạo của Hiền Thánh là đẳng kiến, định kia thành tựu đẳng kiến. Lại nữa đẳng kiến các định, tất cả định kia thành tựu đẳng kiến.

Vả lại, thành tựu đẳng kiến, không phải đẳng kiến định chẳng? Đẳng tâm, tưởng tâm, tất cả thành tựu đẳng kiến.

Các thượng lưu: Tất cả A-ca-nị-trá kia, nếu là xứ A-ca-nị-trá, thì tất cả xứ kia là Thượng lưu chẳng?

Đáp: Hoặc có thượng lưu, không phải là xứ A-ca-nị-trá, hoặc có xứ A-ca-nị-trá, thì chẳng phải thượng lưu. Hoặc có thượng lưu và A-ca-nị-trá, hoặc không phải thượng lưu, không phải xứ A-ca-nị-trá.

Thế nào là thượng lưu, không phải xứ A-ca-nị-trá?

Nếu A-na-hàm sinh trong cõi Sắc, nhưng nhớ lại việc trên thì sẽ không nhất định là A-ca-nị-trá. Nếu A-na-hàm sinh trong cõi Dục, sinh cõi Vô Sắc, nhưng nhớ lại việc trên. Nếu đã sinh ở cõi Dục, nói là thượng-lưu, chứ không phải xứ A-ca-nị-trá. Xứ A-ca-nị-trá đầu tiên, nói là A-ca-nị-trá, không phải thượng lưu. Nếu A-na-hàm sinh cõi Sắc, nhưng lại ghi nhớ việc trên, thì nhất định ở A-ca-nị-trá, nói là thượng lưu, không phải A-ca-nị-trá?

Đáp: Trừ ngần ấy việc trên, thì chính là nghĩa ấy.

Vì sao, A-na-hàm, A-la-hán trụ kiếp không dời động?

Có thuyết nói: Trụ kiếp, nghĩa là không bị thế gian xoay chuyển, lại nữa được đấng giải thoát, căn phẩm hạ mềm mỏng siêu việt trên trụ. Thế nên, đấng giải thoát cũng không tăng, cũng không giảm, nên nói là trụ không dời động. Tuy nhiên, A-na-hàm, nên nói trụ rồi, được thế nguyện.

Người phàm phu nên nói là tâm thiện qua đời hay nên nói tâm vô ký qua đời?

Hoặc có thuyết nói: Nên nói tâm bất thiện qua đời, chứ không phải do tâm thiện có được trụ xứ.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Khi sắp qua đời, sẽ được tâm, tâm sở thiện, trở lại đấng kiến, nói là Khế kinh có sự trái nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu người đọa trong đường ác, thì họ tâm bất thiện qua đời. Nếu người sinh trên cõi trời, thì sẽ qua đời với tâm thiện. Như trụ tâm sau cùng thọ sinh, cũng giống như thế.

Hoặc có thuyết nói: Nên nói là tâm vô ký qua đời, vì tâm vô ký tự trụ trong thân, có hy vọng sau cùng của số báo. Lại nữa, nếu không tu thiện, không tu pháp thiện, không trụ tâm sau cũng không diệt, thế nên phải nói là tâm vô ký qua đời. Nếu nói lời này: Quyết chết không có nghi ngờ, thì lúc ấy nên nói là qua đời có chỗ tránh khỏi.

Hỏi: Vì sao A-la-hán không được tâm thiện sau cùng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tự trụ tâm thọ nhận quả báo với hy vọng sau cùng, nhưng bấy giờ vì không có điều thiện, thế nên không được việc thiện. Lại nữa, nếu tu thiện, vào thời gian sau cùng cũng không trụ. Lại nữa, bốn hạnh của tâm vô ký kia dừng nghỉ. Lại, Đức Thế Tôn nói: Cùng cư trú chung, sau đó mới được biết.

Hoặc có người không biết nhan sắc hòa vui, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nếu nghe người kia chê, khen, khinh suất, tin dùng, ưa thọ nhận lời người, mặc dù với nhan sắc vui vẻ đẹp ý, nhưng trong khoảng búng ngón tay, tin ưa nhẫn chịu, có oai nghi, lễ tiết, cẩn thận ưa vắng lặng được hoan hỷ. Bề ngoài như không kín đáo, trong lòng giả dối. Và lại, khi nói pháp, không có nghĩa biện tài, không có pháp biện tài. Như thế không như chí thật, nói là ngu si.

Lại nữa, hai đẳng tín, đẳng giới, đẳng văn, đẳng trí tuệ, đẳng thí, lúc hiện ở trước. Pháp nào là quả rất lớn? Cả hai đều thanh tịnh hay chỉ một thanh tịnh?

Hoặc có thuyết nói: Hai phân biệt đều thanh tịnh. Đức Thế Tôn cũng nói: Nhà bố thí của Tỳ-kheo kia, cả hai phần đều thanh tịnh, nói là đức thứ nhất của đàn việt thân cận.

Hỏi: Thế nào là hai ý hoặc tạo tác là quả lớn, hoặc không phải quả lớn?

Đáp: Nghề nghiệp làm ruộng lương thiện, như hạt lúa lương thiện, cũng như nghề làm ruộng lương thiện, hạt lúa kia sẽ tốt.

Hỏi: Vẫn là thửa ruộng, vẫn là hạt lúa, nhưng vì sử dụng không đúng thời, nên khó có thể bằng nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hai phần đều thanh tịnh đã được thanh tịnh, tạo ra bố thí như thế, tâm đã có nhân duyên được các quả báo chân thật.

Hỏi: Nếu sự bố thí vượt hơn, thì bố thí không có bình đẳng, nên nói là đẳng thí chăng? Lại nữa, so lường hai quả bình đẳng, lo nghĩ đến hành động của mình đã làm, nên sự bố thí kia, cả hai đều thanh tịnh, có các quả thật.

Hỏi: Như người hướng về Đức Thế Tôn nói: Đối với hai phần của Tỳ-kheo kia đều thanh tịnh, đàn-sấn, nghĩa là thứ bậc nhất, như thế là sai trái?

Đáp: Đa số hai phần đều thanh tịnh: ý đã nghĩ, hành động cũng thanh tịnh. Tâm ý bình đẳng, quả cũng bình đẳng.

Thế nào là sát hại trùng, có pháp tịnh sinh ra?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thời tiết, tập tục của nước lán giềng, khiến cho ý của bạn thân, bè đảng của tư duy. Lại nữa, nhìn sóng nước khuấy động người thế tục bằng nhau. Người kia có tịnh hạnh, hoặc vì báo hành, nên có dứt tịnh hạnh, nghĩa là rơi vào sát hại, sinh ở cõi kia. Do nhân duyên của báo hành trung gian, nên phải chịu tai ương, thân cận thiện tri thức mà nghe, thọ pháp, nghĩ đến việc ác, thì lộ chất bất tịnh. Như thế là người sát hại.

Người thanh tịnh mà sinh pháp đen tối là sao?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do thời tiết, phong tục của nước lán giềng khiến cho gần ấy bạn thân, bè đảng đều có ý tư duy. Lại nữa, như sóng nước chao động, bất thiện của người kia bình đẳng. Người hạnh thanh tịnh, hoặc do báo hành lấp bít hành vi bất thiện rồi, được hạnh thanh tịnh, người kia sinh trung gian, bèn thọ báo hành. Người kia gần gũi tri thức bất thiện, nghe pháp bất thiện, cũng không tư duy hành động ác biểu lộ. Như thế, thanh tịnh bèn sinh pháp đen tối.

Lại, Đức Thế Tôn nói: Hai pháp được hoàn thành, nếu không có thiện, thì tự không tinh tiến, hoặc người khác tinh tiến bền chắc, không đời đời.

Người khác tinh tiến bền chắc không đời đời là sao?

Hoặc có thuyết nói: Do năm pháp, nội tại tự phản tỉnh, xem xét, dạy người khác tinh tiến bền chắc, không dời đổi. Nếu tất cả đều trái với pháp tương ứng chung, thì sẽ có hư hoại. Lại nữa, hoặc phi pháp của người khác, pháp không thích hợp mà trái phạm, thì chưa từng có pháp như nghĩa nào không như thế.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói Thanh văn bậc nhất? Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì pháp vi diệu hiện tại.

Hoặc có thuyết nói: Vì thể hiện oai nghi của Thanh văn. Hoặc có thuyết nói: Vì pháp ủng hộ.

Hoặc có thuyết nói: Vì các Tỳ-kheo phát ý mạnh mẽ, đều thực hành đầy đủ. Lại nữa, do hai nhân duyên, nên Đức Thế Tôn nói: Thanh văn là đệ tử bậc nhất của ta, vì hiện đang được truyền trao nghĩa quyết định, nên hiện biến hóa đối với sự giải thoát kia.

*Súc sinh nói tinh tiến Thượng lưu trụ không
dời Người phạm phu dừng trụ Thí cho chỗ
cúng dường,
Đen, trắng, người không giới Là đệ tử bậc
nhất.*

Kiên độ Khế kinh thứ sáu xong.

* * * * *